

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM YÊN BÁI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---



## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	<b>5</b>
<b>Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>6 – 39</b>
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>6 – 9</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>11 – 12</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>13 – 39</i>



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái tiền thân là Công ty Chế biến Lâm nông sản Thực phẩm, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, được thành lập theo Quyết định số 53/QĐ – UB ngày 09/06/1994 do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp.

Công ty Chế biến Lâm nông sản Thực phẩm chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 276/QĐ-UB ngày 27 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1603000045 ngày 01 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 01 ngày 16 tháng 05 năm 2007 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 5.000.000.000 VND lên 11.000.000.000 VND; thay đổi lần 02 ngày 01 tháng 08 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 11.000.000.000 VND lên 17.000.450.000 VND; đăng ký kinh doanh số 5200116441 thay đổi lần 03 vào ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc đăng ký thêm đơn vị trực thuộc (Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn); thay đổi lần thứ 04 ngày 30 tháng 05 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ từ 17.000.450.000 VND lên 34.000.900.000 VND; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10 tháng 09 năm 2013 về việc đăng ký thêm đơn vị trực thuộc (Nhà máy gia công Giấy Phú Thịnh); đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 09 năm 2014 về việc đăng ký thêm đơn vị trực thuộc (Nhà máy Giấy Yên Hợp); đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 29 tháng 7 năm 2016 về việc thay đổi vốn điều lệ.

**Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 07: 47.600.880.000 VND**

**Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2018: 47.600.880.000 VND**

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam  
Điện thoại : (0216) 3 862 278  
Fax : (0216) 3 862 804  
Email : yfatuf@gmail.com  
Website : http://yfatuf.com.vn  
Mã số thuế : 5 2 0 0 1 1 6 4 4 1

### Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 39).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trinh	Ủy viên
Bà Hứa Minh Hồng	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Bình	Ủy viên
Bà Trương Thị Hoàng Yến	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Quốc Trinh	Giám đốc
Ông Lê Long Giang	Phó Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hồng Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Quốc Quyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Trữ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018

**Kế toán trưởng**

Bà Hứa Minh Hồng

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Văn phòng Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiện hữu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 08 tháng 08 năm 2018  
Thay mặt Ban Giám đốc,



**Nguyễn Quốc Trinh**



Kết nối - Phát triển

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 2006.01.02/2018/BCTC-NVT2  
Ngày : 08 tháng 8 năm 2018

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái, được lập ngày 08 tháng 8 năm 2018 từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Hồng Thanh**  
GCNĐKHNTK số: 0053-2018-124-1

Trụ Sở Chính:  
Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
T: (84-24) 3761 3399 | F: (84-24) 3761 5599 | W: www.ntv.vn | E: vpa@ntv.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:  
Số 21, ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:  
101 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:  
K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>92.919.283.017</b>	<b>91.562.318.670</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>49.330.893.339</b>	<b>11.039.159.664</b>
1. Tiền	111		4.230.893.339	8.039.159.664
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.100.000.000	3.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.967.384.620</b>	<b>6.894.733.101</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.260.207.369	5.325.172.057
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	383.836.224	590.400.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.722.924.959	1.378.744.976
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(399.583.932)	(399.583.932)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>32.056.492.351</b>	<b>73.455.441.805</b>
1. Hàng tồn kho	141		32.056.492.351	73.489.275.268
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(33.833.463)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.564.512.707</b>	<b>172.984.100</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.564.512.707	172.984.100
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI**

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.690.910.412</b>	<b>28.034.650.764</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.547.463.321</b>	<b>28.034.650.764</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	26.391.402.837	28.034.650.764
<i>Nguyên giá</i>	222		167.915.780.874	164.931.209.008
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(141.524.378.037)	(136.896.558.244)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	156.060.484	-
<i>Nguyên giá</i>	228		171.000.000	75.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(14.939.516)	(75.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.10	<b>143.447.091</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		143.447.091	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>119.610.193.429</b>	<b>119.596.969.434</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.924.225.255</b>	<b>53.750.900.522</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.747.375.255</b>	<b>53.559.050.522</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.871.555.034	11.954.307.144
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.766.793.071	775.673.356
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.846.208.557	1.831.801.671
4. Phải trả người lao động	314		7.172.993.747	13.511.560.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.574.268.395	1.853.476.187
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	14.829.196.377	1.473.062.725
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	10.769.670	21.373.709.927
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	700.210.198	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	975.380.206	785.459.074
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>176.850.000</b>	<b>191.850.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.19	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	175.000.000	190.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>83.685.968.174</b>	<b>65.846.068.912</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>83.685.968.174</b>	<b>65.846.068.912</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.655.874.059	1.362.252.276
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.106.153.444	16.559.875.965
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.239.529.450	1.878.786.815
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.866.623.994	14.681.089.150
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>119.610.193.429</b>	<b>119.596.969.434</b>

Lập ngày 08 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Hứa Minh Hồng

Giám đốc




Nguyễn Quốc Trinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	239.766.457.816	140.827.676.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		239.766.457.816	140.827.676.898
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	189.187.611.054	120.329.029.585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.578.846.762	20.498.647.313
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	239.879.538	442.549.058
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	897.418.934	160.270.887
Trong đó: chi phí lãi vay	23		896.176.441	110.759.362
9. Chi phí bán hàng	25	VL.5	4.060.868.662	4.276.595.054
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.6	9.086.948.779	6.289.131.988
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.773.489.925	10.215.198.442
12. Thu nhập khác	31	VL.7	8.027.470	-
13. Chi phí khác	32	VL.8	56.581.798	4.503.850
14. Lợi nhuận khác	40		(48.554.328)	(4.503.850)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.724.935.597	10.210.694.592
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.858.311.603	1.706.792.428
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.866.623.994	8.503.902.164
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	6.159	1.644

Lập ngày 08 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Hứa Minh Hồng

Giám đốc



Nguyễn Quốc Trinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.724.935.597	10.210.694.592
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.840.190.716	4.511.885.436
- Các khoản dự phòng	03	666.376.735	3.373.172.772
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(17.913.595)	(262.749)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(172.082.235)	(408.109.679)
- Chi phí lãi vay	06	896.176.441	110.759.362
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	42.937.683.659	17.798.139.734
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.863.597.933)	(1.685.573.862)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	41.432.782.917	8.415.557.641
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(11.130.649.592)	(10.026.905.161)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.391.528.607)	(1.513.336.349)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(879.887.885)	(59.205.993)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.925.527.637)	(3.127.516.988)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(984.566.000)	(2.170.105.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>63.194.708.922</b>	<b>7.631.054.022</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.688.303.600)	(1.063.956.141)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	7.672.500	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	165.107.235	408.109.679
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.515.523.865)</b>	<b>(655.846.462)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		31.771.539.681		5.448.742.047
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(53.159.006.808)		(7.611.025.513)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(21.387.467.127)</b>		<b>(2.162.283.466)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>38.291.717.930</b>		<b>4.812.924.094</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>11.039.159.664</b>		<b>32.455.265.230</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.745		262.749
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>49.330.893.339</b>		<b>37.268.452.073</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng

Lập ngày 08 tháng 8 năm 2018

MSDN: 5200116477  
Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
LÂM NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM  
YÊN BÀI  
TP. YÊN BÀI - T. YÊN BÀI

  
Nguyễn Quốc Trinh

# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
  - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
  - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
  - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

### 5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

*Bao gồm:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp năm 2017, số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ USD

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018 cho các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam: 22.920 VND/USD

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Vân Yên dây chuyền số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### **c) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

## **8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản Vay và nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản Vay và nợ thuê tài chính được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi***

Ghi nhận cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi.

##### ***Vốn khác thuộc chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

##### ***Các quỹ khác***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

##### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

##### b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

#### 14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### 15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển... Năm 2018, chi phí bán hàng được ghi nhận dưới các nhà máy, không ghi nhận trên văn phòng công ty

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Đối với dự án xây dựng Nhà máy sản xuất giấy để xuất khẩu Thác Bà của Nhà máy giấy Yên Bình, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm (đến hết năm 2017).

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### 19. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

*Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### **21. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **23. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.110.868.376	970.110.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.120.024.963	7.069.049.496
Các khoản tương đương tiền	45.100.000.000	3.000.000.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng</i>	<i>45.100.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>49.330.893.339</u></b>	<b><u>11.039.159.664</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD	1.928.947.200	2.080.188.000
Công ty TNHH Giấy Lọc Phẩm - Đài Loan	1.679.806.800	1.379.994.000
Chi nhánh Công ty TNHH Đông Hòa	1.163.388.600	833.792.256
Công ty TNHH Vĩnh Hùng Cát	1.160.034.896	114.810.773
Các khách hàng khác	2.328.029.873	916.387.028
<b>Cộng</b>	<b><u>8.260.207.369</u></b>	<b><u>5.325.172.057</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xí nghiệp tập thể cổ phần Tuấn Tú	122.600.000	-
Công ty TNHH Đức Thịnh	90.000.000	-
TT xúc tiến đầu tư và phát triển công thương	88.435.750	-
Công ty Điện lực Yên Bái	69.655.019	-
Công ty CP thiết bị công nghiệp và XD Bình Phát	-	571.500.000
Các nhà cung cấp khác	13.145.455	18.900.000
<b>Cộng</b>	<b><u>383.836.224</u></b>	<b><u>590.400.000</u></b>

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ông Phạm Quang Dương	40.500.000	-	91.500.000	-
Công ty TNHH Giấy Lọc Phẩm Đài Loan - cước vận chuyển hộ	9.900.000	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	148.209.959	-	30.757.655	-
tạm ứng	1.520.015.000	-	1.221.623.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.300.000	-	34.864.321	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.722.924.959</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.378.744.976</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Là khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của Công ty TNHH Đức Việt Anh đã quá hạn trên 5 năm và không có khả năng thu hồi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.416.005.285	-	11.232.597.953	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.902.746.777	-	1.966.561.304	-
Thành phẩm	20.737.740.289	-	60.290.116.011	(33.833.463)
<b>Cộng</b>	<b>32.056.492.351</b>	<b>-</b>	<b>73.489.275.268</b>	<b>(33.833.463)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(33.833.463)	-
Hoàn nhập trong kỳ	33.833.463	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	992.626.037	98.040.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	514.046.670	-
Chi phí ủ vỏ sắn với men Emic	-	50.640.000
Chi phí nhân rộng giống sắn nâng cao năng suất	57.840.000	-
Chi phí bốc xếp thu mua nguyên liệu tại nhà máy quốc Vân Chấn	-	24.304.100
<b>Cộng</b>	<b>1.564.512.707</b>	<b>172.984.100</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	54.461.689.335	105.441.138.564	3.920.466.530	498.444.543	609.470.036	164.931.209.008
Tăng do mua sắm trong kỳ	93.515.091	3.088.488.182	-	-	-	3.182.003.273
Tăng do phân loại lại	-	182.875.780	1.731.818.182	-	-	1.914.693.962
Thanh lý, nhượng bán	-	(197.431.407)	-	-	-	(197.431.407)
Giảm do phân loại lại	(143.806.237)	(1.731.818.182)	-	(39.069.543)	-	(1.914.693.962)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>54.411.398.189</b>	<b>106.783.252.937</b>	<b>5.652.284.712</b>	<b>459.375.000</b>	<b>609.470.036</b>	<b>167.915.780.874</b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	26.044.436.132	64.521.336.975	844.204.618	104.925.000	609.470.036	92.124.372.761
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	46.695.526.525	87.107.341.744	2.246.292.603	237.927.336	609.470.036	136.896.558.244
Tăng do trích khấu hao	1.777.754.378	2.656.890.729	331.531.095	59.074.998	-	4.825.251.200
Tăng do phân loại lại	-	15.655.382	48.418.365	-	-	64.073.747
Thanh lý, nhượng bán	-	(197.431.407)	-	-	-	(197.431.407)
Giảm do phân loại lại	(7.190.315)	(48.418.365)	-	(8.465.067)	-	(64.073.747)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>48.466.090.588</b>	<b>89.534.038.083</b>	<b>2.626.242.063</b>	<b>288.537.267</b>	<b>609.470.036</b>	<b>141.524.378.037</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	7.766.162.810	18.333.796.820	1.674.173.927	260.517.207	-	28.034.650.764
Số cuối kỳ	<b>5.945.307.601</b>	<b>17.249.214.854</b>	<b>3.026.042.649</b>	<b>170.837.733</b>	-	<b>26.391.402.837</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm kế toán tăng mới trong kỳ.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	75.000.000	75.000.000	-
Tăng trong kỳ	171.000.000	14.939.516	156.060.484
Giảm trong kỳ	(75.000.000)	(75.000.000)	-
Số cuối kỳ	<u>171.000.000</u>	<u>14.939.516</u>	<u>156.060.484</u>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào CP SXKD	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa lớn tại nhà máy giấy Minh Quân	-	104.813.172	(82.786.362)	-	22.026.810
Chi phí sửa chữa lớn tại nhà máy giấy Văn Chấn	-	192.951.522	(136.223.522)	-	56.728.000
Chi phí sửa chữa lớn tại nhà máy giấy Yên Bình	-	288.447.438	(240.197.157)	-	48.250.281
Chi phí sửa chữa lớn tại nhà máy Giấy Yên Hợp	-	234.747.580	(218.305.580)	-	16.442.000
Chi phí sửa chữa lớn tại nhà máy Quế Văn Chấn	-	105.155.000	(105.155.000)	-	-
<b>Cộng</b>	-	<u>926.114.712</u>	<u>(782.667.621)</u>	-	<u>143.447.091</u>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Đặng Thiết Hùng	-	2.022.694.800
Ông Trần Văn Chi	110.716.500	2.014.381.300
Ông Đào Xuân Ước	-	1.399.805.900
Công ty Cổ phần hóa chất Việt Tri	170.959.360	1.022.310.660
Công ty Cổ phần Đông á	1.004.688.625	427.520.720
Công ty TNHH thương mại hóa chất Ngọc Diệp	305.030.000	378.488.000
Công ty TNHH An Hoa	281.424.000	556.875.000
Các nhà cung cấp khác	998.736.549	4.132.230.764
<b>Cộng</b>	<u>2.871.555.034</u>	<u>11.954.307.144</u>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
DN tư nhân Liên Sơn Đức	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và hỗ trợ đầu tư An Phát	1.200.000.000	-
HTX tiểu thủ CN DV tổng hợp Đức Thành Phát	629.027.020	142.315.600
Công ty HUEI TAI TRADING CO	-	278.261.854
Công ty TNHH MTV TM& VT Quốc tế Thái Dương	-	184.263.000
Cty TNHH Thương mại & Dịch vụ Hồng Mã	-	66.515.640
Các khách hàng khác	937.766.051	104.317.262
<b>Cộng</b>	<u>4.766.793.071</u>	<u>775.673.356</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	535.649.790	15.197.948.260	15.109.573.101	624.024.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.271.742.621	4.858.311.603	3.925.527.637	2.204.526.587
Thuế thu nhập cá nhân	-	390.868.967	382.790.916	8.078.051
Thuế tài nguyên	24.409.260	71.556.210	86.386.500	9.578.970
Thuế nhà đất	-	8.186.164	8.186.164	-
Tiền thuê đất	-	24.196.553	24.196.553	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.831.801.671</b>	<b>20.562.067.757</b>	<b>19.547.660.871</b>	<b>2.846.208.557</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Bã sắn	Không chịu thuế
Giấy vàng mã, tinh bột sắn xuất khẩu	0 %
Sản phẩm tiêu thụ trong nước	10 %

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ xem thuyết minh V1.9

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền điện phải trả	232.967.557	605.106.511
Chi phí Nguyên liệu sản	20.127.871	450.289.883
Chi hỗ trợ thu mua và quản lý vùng NL sản	172.716.980	502.389.793
Phí bảo vệ môi trường	393.319.000	240.400.000
Chi phí bảo hộ lao động	542.806.668	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	212.330.319	55.290.000
<b>Cộng</b>	<b>1.574.268.395</b>	<b>1.853.476.187</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****15. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	67.512.906	16.785.996
Bảo hiểm xã hội	829.463.216	316.114.840
Bảo hiểm y tế	46.624.459	-
Bảo hiểm thất nghiệp	30.765.075	-
Phải trả lãi vay cá nhân	-	8.238.314
Tiền sáng kiến cải tiến kỹ thuật	-	56.500.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.852.237.600	-
Phải trả tiền thuế TNCN	-	6.596.935
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.002.593.121	1.068.826.640
<b>Cộng</b>	<b>14.829.196.377</b>	<b>1.473.062.725</b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>10.769.670</i>	<i>10.769.670</i>	<i>364.265.087</i>	<i>364.265.087</i>
Vay ngắn hạn cá nhân là bên liên quan	10.769.670	10.769.670	364.265.087	364.265.087
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>21.009.444.840</i>	<i>21.009.444.840</i>
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Yên Bái	-	-	20.780.919.732	20.780.919.732
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	-	-	228.525.108	228.525.108
<b>Cộng</b>	<b>10.769.670</b>	<b>10.769.670</b>	<b>21.373.709.927</b>	<b>21.373.709.927</b>

*Chi tiết phát sinh về khoản vay trong kỳ như sau:*

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Tăng khác (lãi vay nhập gốc)	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	20.780.919.732	31.071.539.681	(51.852.459.413)	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	592.790.195	700.000.000	(1.306.547.395)	24.526.870	10.769.670
<b>Cộng</b>	<b>21.373.709.927</b>	<b>31.771.539.681</b>	<b>(53.159.006.808)</b>	<b>24.526.870</b>	<b>10.769.670</b>

**17. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Là chi phí sửa chữa tài sản cố định định kỳ

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận (*)	Chuyển từ quỹ phúc lợi sang quỹ khen thưởng	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	175.921.117	587.243.566	251.904.883	(826.516.000)	188.553.566
Quỹ phúc lợi	609.537.957	587.243.566	(251.904.883)	(158.050.000)	786.826.640
<b>Cộng</b>	<b>785.459.074</b>	<b>1.174.487.132</b>	<b>-</b>	<b>(984.566.000)</b>	<b>975.380.206</b>

(\*) Số trích lập trong kỳ xem thuyết minh V.21 – Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

**19. Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
<b>Cộng</b>	<b>1.850.000</b>	<b>1.850.000</b>

**20. Phải trả dài hạn khác**

Là các khoản nhận kỳ quỹ, ký cược dài hạn của các tổ chức và cá nhân:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Hà Xuân Quang	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Bốn Sao	-	15.000.000
Ông Phạm Hữu Chung	150.000.000	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>175.000.000</b>	<b>190.000.000</b>

**21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	47.600.880.000	323.060.671	410.455.470	20.216.679.626	68.551.075.767
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(16.184.299.200)	(16.184.299.200)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	14.681.089.150	14.681.089.150
Trích lập các quỹ	-	-	951.796.806	(2.153.593.611)	(1.201.796.805)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>47.600.880.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>1.362.252.276</b>	<b>16.559.875.965</b>	<b>65.846.068.912</b>
Số dư đầu năm nay	47.600.880.000	323.060.671	1.362.252.276	16.559.875.965	65.846.068.912
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(12.852.237.600)	(12.852.237.600)
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	31.866.623.994	31.866.623.994
Trích lập các quỹ	-	-	293.621.783	(1.468.108.915)	(1.174.487.132)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>47.600.880.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>1.655.874.059</b>	<b>34.106.153.444</b>	<b>83.685.968.174</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 07 tháng 4 năm 2018 như sau:

- Chi trả cổ tức bằng tiền: 27% /năm (tương đương 2.700 VND/ 1 cổ phiếu);
- Trích lập Quỹ đầu tư, phát triển sản xuất: 2% lợi nhuận sau thuế;
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: 8% lợi nhuận sau thuế;

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	47.600.880.000	47.600.880.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
<b>Cộng</b>	<b>47.923.940.671</b>	<b>47.923.940.671</b>

### Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.760.088	4.760.088
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.760.088	4.760.088
- Cổ phiếu phổ thông	4.760.088	4.760.088
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.760.088	4.760.088
- Cổ phiếu phổ thông	4.760.088	4.760.088
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

## 22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

### A, Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vật tư nhận gia công của Công ty giấy Kim Thần Tài	2.134.158.950	2.550.684.286
Vật tư nhận gia công của Công ty TNHH Giấy Lục phẩm Đài Loan	2.049.978.008	2.623.162.272
<b>Cộng</b>	<b>4.184.136.958</b>	<b>5.173.846.558</b>

### B, Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	278,20	152.167,31

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

C, Nợ khó đòi đã xử lý Đối tượng	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
	VND	VND	
Xí nghiệp TM DV Ánh Dương	237.948.479	237.948.479	Quá hạn quá lâu, nhà cung cấp không có khả năng thực hiện tiếp
Công ty Cổ phần TM và ĐT phát triển Đông Hà	56.285.614	56.285.614	Quá hạn quá lâu, nhà cung cấp không có khả năng thực hiện tiếp
Công ty Cổ phần XD và TM Hùng Dũng	10.000.000	10.000.000	Quá hạn quá lâu, nhà cung cấp không có khả năng thực hiện tiếp
Công ty Cổ phần Năm Sao	16.500.000	16.500.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Chi nhánh điện Văn Chấn	12.000.000	12.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>332.734.093</b>	<b>332.734.093</b>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	239.766.457.816	140.827.676.898
<b>Cộng</b>	<b>239.766.457.816</b>	<b>140.827.676.898</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	189.221.444.517	120.329.029.585
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (33.833.463)		
<b>Cộng</b>	<b>189.187.611.054</b>	<b>120.329.029.585</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	165.107.235	408.109.679
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	56.858.708	34.439.379
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.913.595	-
<b>Cộng</b>	<b>239.879.538</b>	<b>442.549.058</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	896.176.441	110.759.362
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.242.493	49.248.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	262.749
<b>Cộng</b>	<b>897.418.934</b>	<b>160.270.887</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.060.868.662	4.276.595.054
<b>Cộng</b>	<b>4.060.868.662</b>	<b>4.276.595.054</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.527.236.179	3.100.426.740
Chi phí vật liệu quản lý	139.844.030	136.709.868
Chi phí đồ dùng văn phòng	202.497.672	160.850.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	516.130.172	456.715.656
Thuế, phí và lệ phí	810.194.927	1.333.108.158
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.857.000.000)
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	77.171.329	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	10.439.999
Tiền trợ cấp thôi việc	593.090.300	964.337.824
Các chi phí khác	2.220.784.170	1.983.543.743
<b>Cộng</b>	<b>9.086.948.779</b>	<b>6.289.131.988</b>

**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	6.975.000	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.052.470	-
<b>Cộng</b>	<b>8.027.470</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.115.212	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	55.121.550	4.503.850
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	345.036	-
<b>Cộng</b>	<b>56.581.798</b>	<b>4.503.850</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	36.724.935.597	10.210.694.592
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	140.696.550	42.662.850
Lương HĐQT không trực tiếp điều hành	48.000.000	41.520.000
Phạt chậm nộp, truy thu thuế, BHXH	55.121.550	1.142.850
Chi phí không có hóa đơn hợp lý hợp lệ	37.575.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>36.865.632.147</b>	<b>12.447.984.695</b>
Thu nhập chịu thuế TNDN với thuế suất 10%	25.148.148.273	4.473.798.538
Thu nhập chịu thuế TNDN với thuế suất 15%	-	348.227.132
Thu nhập chịu thuế TNDN với thuế suất 20%	11.717.483.874	5.431.331.772
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất quy định</b>	<b>4.858.311.603</b>	<b>1.585.880.278</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	-	<b>120.912.150</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>4.858.311.603</b>	<b>1.706.792.428</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.866.623.994	8.503.902.164
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.549.329.920)	(680.312.173)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.317.294.074	7.823.589.991
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.760.088	4.760.088
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.159</b>	<b>1.644</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2018 việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sẽ do Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 quyết định, việc tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến bằng 8% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo dự kiến phân chia lợi nhuận năm 2017 của Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2018 ngày 07 tháng 4 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.760.088	4.760.088
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>4.760.088</u>	<u>4.760.088</u>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi nhập gốc khoản vay cá nhân	24.526.870	43.483.605
Cộng	<u>24.526.870</u>	<u>43.483.605</u>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan là các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc</b>		
Vay vốn của các thành viên HĐQT, BGD		-
Trả lại vốn vay cho các thành viên HĐQT, BGD	364.758.497	1.605.635.770
Lãi vay nhập gốc	11.263.080	22.911.226
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Lãi vay nhập gốc	-	9.692.335
Vay tiền thành viên Ban Kiểm soát	100.000.000	
Trả lại vốn vay thành viên Ban Kiểm soát	100.000.000	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ vay phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	10.769.670	364.265.087
Cộng nợ vay phải trả	<u>10.769.670</u>	<u>364.265.087</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	1.145.874.156	1.765.179.571
Cổ tức được chia	3.677.456.700	6.854.233.400
Cộng	<u>4.823.330.856</u>	<u>8.619.412.971</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do đó, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất giấy để
- Lĩnh vực sản xuất giấy vàng mã
- Lĩnh vực sản xuất tinh bột sắn
- Lĩnh vực sản xuất tinh dầu quế

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Tại Văn phòng						Các khoản loại trừ	Cộng
	Công ty	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lễ		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	55.885.698.887	37.625.443.500	138.237.606.154	6.295.219.092	1.722.490.183	-	239.766.457.816
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	27.883.555.332	67.494.680.990	34.741.432.529	93.851.636.350	4.710.048.383	1.655.753.783	(230.337.107.367)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>27.883.555.332</b>	<b>123.380.379.877</b>	<b>72.366.876.029</b>	<b>232.089.242.504</b>	<b>11.005.267.475</b>	<b>3.378.243.966</b>	<b>(230.337.107.367)</b>	<b>239.766.457.816</b>
Chi phí bộ phận	27.883.555.332	112.563.011.054	70.780.178.023	207.322.880.277	10.583.719.380	3.539.191.795	(230.337.107.367)	202.335.428.495
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	10.817.368.823	1.586.698.006	24.766.362.227	421.548.095	(160.947.829)	-	37.431.029.321
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	10.817.368.823	1.586.698.006	24.766.362.227	421.548.095	(160.947.829)	-	37.431.029.321
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	239.879.538
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	897.418.934
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	8.027.470
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	56.581.798
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>10.817.368.823</b>	<b>1.586.698.006</b>	<b>24.766.362.227</b>	<b>421.548.095</b>	<b>(160.947.829)</b>	<b>-</b>	<b>4.858.311.603</b>
								<b>31.866.623.994</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty		Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	86.167.962.717		8.276.942.071	2.167.436.911	16.673.105.378	6.324.746.352	119.610.193.429
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(24.508.954.760)		4.170.271.880	205.127.191	18.440.757.967	1.692.797.722	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							
<b>Tổng tài sản</b>	<b>61.659.007.957</b>		<b>12.447.213.951</b>	<b>2.372.564.102</b>	<b>35.113.863.345</b>	<b>8.017.544.074</b>	<b>119.610.193.429</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>30.319.163.617</b>		<b>3.077.915.013</b>	<b>1.088.746.539</b>	<b>1.091.070.110</b>	<b>347.329.976</b>	<b>35.924.225.255</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận							
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>35.924.225.255</b>
<b>Số đầu năm</b>							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	46.251.026.513		9.298.415.954	2.169.497.174	58.920.352.065	2.957.677.728	119.596.969.434
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(25.435.244.699)		3.690.631.017	270.405.541	19.758.814.122	1.715.394.019	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							
<b>Tổng tài sản</b>	<b>20.815.781.814</b>		<b>12.989.046.971</b>	<b>2.439.902.715</b>	<b>78.679.166.187</b>	<b>4.673.071.747</b>	<b>119.596.969.434</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>(19.595.042.399)</b>		<b>9.298.415.954</b>	<b>2.169.497.174</b>	<b>58.920.352.065</b>	<b>2.957.677.728</b>	<b>53.750.900.522</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận							
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>53.750.900.522</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực nội địa	196.377.331.229	97.519.090.735
Khu vực xuất khẩu	43.389.126.587	43.308.586.163
<b>Cộng</b>	<b>239.766.457.816</b>	<b>140.827.676.898</b>

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực nội địa	3.353.003.273	972.596.492
<b>Cộng</b>	<b>3.353.003.273</b>	<b>972.596.492</b>

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.330.893.339	11.039.159.664	49.330.893.339	11.039.159.664
Phải thu khách hàng	7.860.623.437	4.925.588.125	7.860.623.437	4.925.588.125
Các khoản phải thu khác	1.722.924.959	1.378.744.976	1.722.924.959	1.378.744.976
<b>Cộng</b>	<b>58.914.441.735</b>	<b>17.343.492.765</b>	<b>58.914.441.735</b>	<b>17.343.492.765</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	10.769.670	21.373.709.927	10.769.670	21.373.709.927
Phải trả người bán	2.873.405.034	11.956.157.144	2.873.405.034	11.956.157.144
Các khoản phải trả khác	23.751.458.519	17.028.099.350	23.751.458.519	17.028.099.350
<b>Cộng</b>	<b>26.635.633.223</b>	<b>50.357.966.421</b>	<b>26.635.633.223</b>	<b>50.357.966.421</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	10.769.670	-	-	10.769.670
Phải trả người bán	2.871.555.034	1.850.000	-	2.873.405.034
Các khoản phải trả khác	23.576.458.519	175.000.000	-	23.751.458.519
<b>Cộng</b>	<b>26.458.783.223</b>	<b>176.850.000</b>	-	<b>26.635.633.223</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	21.373.709.927	-	-	21.373.709.927
Phải trả người bán	11.954.307.144	1.850.000	-	11.956.157.144
Các khoản phải trả khác	16.838.099.350	190.000.000	-	17.028.099.350
<b>Cộng</b>	<b>50.166.116.421</b>	<b>191.850.000</b>	-	<b>50.357.966.421</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

##### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã soát xét và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Chi tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" kỳ trước được ước tính dựa trên lợi nhuận sau thuế trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm 2018 (5% lợi nhuận sau thuế). Ngày 07 tháng 4 năm 2018, Nghị quyết đại hội đồng Cổ đông đã ra quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 8% lợi nhuận sau thuế năm 2017, do đó chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính đã soát xét năm trước được tính lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã soát xét năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
<i>Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ</i>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.697	1.644

Lập ngày 08 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng

Giám đốc



Nguyễn Quốc Trinh



Công ty CP LNS Thực phẩm Yên Bái  
MCK : CAP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 332 / KT  
v/v giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau  
thuế tại BCTC Văn phòng đã soát xét so  
với BC soát xét cùng kỳ năm trước.

Yên Bái, ngày 09 tháng 08 năm 2018

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian qua đối với Công ty  
Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái, mã chứng khoán CAP.

Báo cáo tài chính văn phòng Công ty soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty  
có kết quả như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 T đầu/2018 sau soát xét	:	39.503.061.732 đ
Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 T đầu/2017 sau soát xét	:	6.309.274.911 đ
Tỷ lệ so sánh tăng	:	626,1 %

Công ty CP LNS thực phẩm Yên Bái giải trình yếu tố ảnh hưởng tăng lợi nhuận  
sau thuế tại báo cáo soát xét kỳ này so với báo cáo soát xét cùng kỳ năm trước như sau:

- Doanh thu bán hàng tăng mạnh do có sản lượng lớn tinh bột sắn tồn kho  
năm trước chuyển sang và tiêu thụ tại kỳ này.
- Thị trường thuận lợi nhất thời, nên mang lại lợi nhuận đột biến.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty chúng tôi.

Xin trân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- như trên
- lưu tại phòng KT

CÔNG TY CP LNS THỰC PHẨM YÊN BÁI  
GIÁM ĐỐC CTY



Nguyễn Quốc Trinh

Công ty CP LNS Thực phẩm Yên Bái  
MCK: CAP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 333 / KT  
v/v giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau  
thuế tại BCTC tổng hợp đã soát xét so với  
soát xét cùng kỳ năm trước .

Yên Bái, ngày 09 tháng 08 năm 2018

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian qua đối với Công ty  
Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái, mã chứng khoán CAP.

Báo cáo tài chính tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty có kết quả  
như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 T đầu/2018 đã soát xét	:	31.866.623.994 đ
Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 T đầu/2017 đã soát xét	:	8.503.902.164 đ
Tỷ lệ so sánh tăng	:	374,7 %

Công ty CP LNS thực phẩm Yên Bái giải trình yếu tố ảnh hưởng tăng lợi nhuận  
sau thuế tại báo cáo soát xét kỳ này so với báo cáo soát xét cùng kỳ năm trước như sau:

- Doanh thu bán hàng tăng mạnh do có sản lượng lớn tinh bột sắn tồn kho  
năm trước chuyển sang và tiêu thụ tại kỳ này.
- Thị trường thuận lợi nhất thời, nên mang lại lợi nhuận đột biến

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty chúng tôi.

Xin trân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- như trên
- lưu tại phòng KT

CÔNG TY CP LNS THỰC PHẨM YÊN BÁI  
GIÁM ĐỐC CTY



*Nguyễn Quốc Trinh*

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM YÊN BÁI  
MCK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 334 /CK  
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 09 tháng 08 năm 2018

Kính gửi :

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279 – đường Nguyễn Phúc - Phường Nguyễn Phúc – thành phố Yên Bái – tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại : 02163.862.278 – fax 02163. 862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Hứa Minh Hồng
6. Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính văn phòng và tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2018 bao gồm:

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả kinh doanh

Báo cáo luân chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Văn bản số 334/KT ngày 09/8/2018 v/v giải trình chênh lệch 10% LNST đã soát xét kỳ này so với soát xét cùng kỳ năm trước tại BCTC văn phòng.

Văn bản số 333 /KT ngày 09/8/2018 v/v giải trình chênh lệch 10% LNST đã soát xét kỳ này so với soát xét cùng kỳ năm trước tại BCTC tổng hợp.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nơi nhận: Như trên  
Lưu tại đơn vị



Hứa Minh Hồng